NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO KẾ TOÁN TẠI VIỆT NAM THEO HƯỚNG CHUẨN HÓA QUỐC TẾ

LÊ THỊ THANH HUỆ□□□ PHAN HỒNG NHUNG□□□□

TÓM TẮT: *Đối với công tác đào tạo kế toán, để đào tạo ra những kế toán viên có thể cạnh tranh bình đẳng với các nước trong khu vực và trên thế giới, bắt buộc các trường đại học và cao đẳng tại Việt Nam phải đưa ngay nội dung của Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) vào chương trình đào tạo kế toán của trường mình. Bằng việc tổng hợp nhiều công trình nghiên cứu liên quan và kinh nghiệm của bản thân, nhóm tác giả đã thực hiện bài viết này nhằm xác định những khó khăn, thách thức trong việc đào tạo IFRS tại các trường đại học và cao đẳng ở Việt Nam hiện nay; trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp khắc phục để công tác đào tạo IFRS ngày càng hoàn thiện hơn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo kế toán tại Việt Nam theo hướng chuẩn hóa quốc tế.*
Từ khóa: *đào tạo, IFRS, kế toán, chuẩn hóa quốc tế.*

ABSTRACT: *With a view to train a cohort of Vietnamese accountants who can work in any country and at the same level as their peers in the region and worldwide, Internationl Financial Reporting Standards (IFRSs) should be included in the accounting syllabus of every university and college in Vietnam. IFRSs are the financial reporting standards issued by IASB and adopted by many countries worldwide. IFRSs have not been adopted in Vietnam but sooner or later, enterprises in Vietnam should be required to prepare their financial statements in accordance with IFRSs to increase their potential to attract foreign investments. This report aims to identify the difficulties and challenges of training on IFRSs at universities and colleges in Vietnam and provide some recommendations on improving training on IFRS and the quality of accountancy training in Vietnam in an internationally standardized direction.*
Key words: *training, IFRS, accoungting, internationally standardardized.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) và định hướng ứng dụng ở Việt Nam là một chủ đề đang rất được quan tâm bởi các bộ, ban ngành, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân ở Việt Nam trong thời gian qua. Trong khi trên thế giới, tính đến tháng 4/2016, đã có 93% quốc gia và vùng lãnh thổ được Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) khảo sát đã chính thức cam kết áp dụng và triển khai một phần hoặc đầy đủ IFRS thì cho tới nay các doanh nghiệp Việt Nam vẫn lập báo cáo tài chính (BCTC) theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS). Điều này được xem là một trong những rào cản để tăng cường minh bạch hóa BCTC theo chuẩn thế giới, thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài cũng như nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trên trường quốc tế .

Đứng trước tình hình đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng thế giới và các cơ quan có liên quan đã phối hợp nghiên cứu và ban hành

□□□Thạc sĩ. Trường Đại học Nha Trang.
□□□□ Thạc sĩ. Trường Đại học Nha Trang.

Báo cáo Việt Nam 2035, trong đó có nhấn mạnh đến định hướng áp dụng IFRS cho các doanh nghiệp Việt Nam theo lộ trình từng bước và toàn phần bắt đầu từ năm 2020, tiến tới hội nhập hóa sâu rộng với thế giới trong lĩnh vực kế toán kiểm toán nói riêng và phát triển bền vững Việt Nam nói chung.

Thêm vào đó, ngày 31/12/2015, Cộng đồng kinh tế ASEAN (ASEAN Economic Community-AEC) đã chính thức được thành lập. Một trong những thỏa thuận đáng chú ý và có tác động trực tiếp nhất của AEC là việc các lao động trẻ, có trình độ thuộc 8 nhóm lĩnh vực nghề nghiệp trong đó có kế toán sẽ được tự do di chuyển giữa các quốc gia (Báo Công thương, 2015).

Đối với nghề kế toán, để có thể cạnh tranh được với các lao động từ các nước ASEAN thì việc hiểu biết và lập được BCTC theo IFRS là yêu cầu cơ bản nhất. Khi đã được trang bị những kiến thức cần thiết về IFRS thì các kế toán viên nước ta không những có thể làm kế toán tại Việt Nam mà có thể làm kế toán ở bất cứ quốc gia nào đã áp dụng IFRS trên thế giới. Chính vì thế, nhu cầu về việc đào tạo IFRS cho sinh viên ngành kế toán tại các trường đại học và cao đẳng ở nước ta để có thể đáp ứng cho tiến trình hội nhập trong thời gian sắp tới lại trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết và trở thành một trong những nhiệm vụ cần được quan tâm hàng đầu hiện nay. Và trong tiến trình vận động đó, các trường đại học và cao đẳng của Việt Nam sẽ đối mặt với không ít khó khăn và thách thức để có thể xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực cho quá trình đào tạo, khắc phục được các trở ngại phát sinh trong việc tiếp cận IFRS cũng như chuẩn hóa trình độ người học phù hợp với nhu cầu mới.

Bài viết này sẽ thảo luận về những khó khăn, thách thức trong quá trình cập nhật và đào tạo IFRS trong các trường đại học và cao đẳng tại Việt Nam và đề ra một số giải pháp giúp giải quyết tình trạng trên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo kế toán tại Việt Nam theo hướng chuẩn hóa quốc tế.

2. THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO KẾ TOÁN TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Theo Vũ Mai Phương (2017), việc đào tạo kế toán bậc đại học hiện nay được thực hiện ở rất nhiều trường đại học kinh tế - tài chính công lập và ngoài công lập trong cả nước. Ở nhiều trường đại học đào tạo chuyên ngành kế toán, có đủ mọi hệ đào tạo và cấp bậc đào tạo, từ cao đẳng, liên thông đại học, đại học chính quy, cao học và đào tạo tiến sĩ với đủ các hệ chính quy, tại chức, đào tạo từ xa. Đó là chưa kể tới hàng trăm lớp dạy nghề kế toán do các trường lớp, các trung tâm, các doanh nghiệp tổ chức dưới mọi hình thức.

Cho đến thời điểm tháng 10/2016, theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nước ta có khoảng 553 cơ sở đào tạo, trong đó có 203 trường đại học và học viện, 208 trường cao đẳng và 142 trường trung học chuyên nghiệp. Trong tổng số các cơ sở đào tạo này thì có trên 50% đăng ký đào tạo ngành kế toán với nhiều chuyên ngành khác nhau như kế toán doanh nghiệp, kế toán kiểm toán…. Ngay cả những trường có thế mạnh chủ yếu là đào tạo các khối ngành về kỹ thuật, công nghệ, sức khỏe cũng tham gia đào tạo mã ngành kế toán, đặc biệt là các trường đại học, cao đẳng thuộc khối ngoài công lập. Kết quả của quá trình đào tạo này đã làm cho kế toán trở thành một trong những ngành có nguồn cung về lao động dồi dào nhất trong số các ngành nghề phổ biến hiện nay.

Bên cạnh đó, chương trình đào tạo của nhiều trường hiện cũng được xây dựng theo cách hướng đến tính liên thông với các chương trình đào tạo cấp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế như ACCA, CPA Australia nhằm giúp sinh viên có khả năng học tiếp, phát triển nghề nghiệp một cách thuận tiện. Việc không ít

trường giảng dạy các môn học chuyên ngành bằng tiếng Anh đã giúp khắc phục rào cản ngôn ngữ, phát triển khả năng tiếng Anh trong công việc của sinh viên, hỗ trợ cho sinh viên có khả năng công tác tốt trong môi trường quốc tế khi tốt nghiệp.

Tuy nhiên, nếu xem xét về khía cạnh chất lượng đào tạo thì còn có độ lệch khá lớn giữa các trường và chất lượng nói chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với tình hình phát triển và hội nhập quốc tế về kế toán, đặc biệt là theo lộ trình áp dụng công tác kế toán của Việt Nam theo IFRS trong thời gian sắp tới.

Thực tế cho thấy, số lượng nhân sự ngành kế toán được đào tạo hàng năm của các cơ sở đào tạo là rất lớn nhưng trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ và các kỹ năng mềm khác của đối tượng này chưa cao, chưa đạt được đến mặt bằng chung của khu vực. Hiện tại, số lượng kế toán viên nắm vững các thông lệ và nguyên tắc kế toán quốc tế, đặc biệt là nắm vững công tác kế toán theo chuẩn IFRS còn chưa nhiều. Tư duy tích lũy am hiểu các vấn đề toàn cầu còn hạn chế, khó hội nhập sâu rộng với kế toán quốc tế.

Theo Phan Thanh Hải, Nguyễn Phi Sơn (2016), thông tin phản hồi từ các doanh nghiệp tuyển dụng nhân sự cho bộ phận kế toán có đến 80% – 90% những sinh viên được tuyển dụng chưa có khả năng tiếp cận ngay được với công việc của một "kế toán" thực sự. Khảo sát sinh viên tốt nghiệp từ các cơ sở đào tạo, từ các trường đại học kế toán lớn và có uy tín của Việt Nam cho thấy có tới 2/3 trả lời chưa thể nắm bắt được công việc kế toán ngay khi được giao mà phải được đào tạo, hướng dẫn lại.

Bên cạnh đó, đội ngũ giảng viên đảm nhận giảng dạy các học phần về kế toán phần lớn còn khá trẻ, thiếu kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng công việc thực tế. Nhiều nhà giáo dục đại học hiện nay vẫn cho rằng đào tạo kế toán ra để làm việc tại doanh nghiệp Việt Nam, theo kế toán Việt Nam, cũng phần nào ảnh hưởng đến định hướng và kế hoạch đào tạo trong tương lai.

Như vậy, xét một cách tổng thể, thực trạng nguồn nhân lực ngành kế toán nước ta hiện nay đang ở trong tình trạng thừa về số lượng nhưng yếu kém về chất lượng. Điều này thể hiện ở nhiều khía cạnh như khả năng ngoại ngữ yếu, hiểu biết về văn hóa doanh nghiệp, văn hóa quốc gia còn hạn chế, kỹ năng thực hành nghề nghiệp chưa cao, khả năng làm việc nhóm có hiệu suất thấp, và quan trọng hơn cả là khả năng đáp ứng được yêu cầu hội nhập kế toán quốc tế trong đó thực hành kế toán theo chuẩn IFRS còn rất hạn chế.

3. GIỚI THIỆU VỀ IFRS VÀ LỘ TRÌNH ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM

3.1. Tổng quan về IFRS

Paul Pacter (2016) đưa ra định nghĩa về IFRS trong Cẩm nang IFRS bỏ túi - ấn bản 2016 do ông là tác giả, như sau: IFRS tên đầy đủ „International Financial Reporting Standards", tên Tiếng Việt „Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế" do Hội đồng Chuẩn mực Kế toán quốc tế (IASB – International Accounting Standard Board) ban hành là bộ chuẩn mực được thừa nhận trên toàn cầu quy định về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của các doanh nghiệp. IFRS mô tả:

- Các khoản mục được định nghĩa là tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí
- Cách thức đo lường, ghi nhận các khoản mục này
- Cách thức trình bày các khoản mục này trên hệ thống báo cáo tài chính
- Cách thức thuyết minh, công bố những thông tin liên quan đến các khoản mục này

Quá trình hình thành IFRS gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của tổ chức ban hành chuẩn mực. Đầu tiên phải kể đến Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế (IASC – International Accounting Standard Committee. IASC chịu trách nhiệm ban hành các Chuẩn

mực kế toán quốc tế (IAS – International Accounting Standards), thời kỳ đầu tổ chức này gặp rất nhiều khó khăn trong việc duy trì vai trò của mình là tổ chức soạn thảo chuẩn mực kế toán quốc tế duy nhất trên thế giới cũng như thuyết phục các nước sử dụng chuẩn mực do chính mình tạo ra. Sau đó IASC có những bước tiến lớn khi nhận được sự ủng hộ quan trọng từ Ủy ban chứng khoán Mỹ và sau đó là sự chấp thuận của Tổ chức thế giới các ủy ban chứng khoán và Liên minh Châu Âu vào năm 2000. Ngày 01/4/2001, Hội đồng Chuẩn mực Kế toán quốc tế - IASB chính thức được thành lập (Hoàng Thụy Diệu Linh, 2015). Kể từ khi thành lập đến thời điểm tháng 4/2016, IASB đã ban hành được 16 chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), bên cạnh 41 chuẩn mực kế toán quốc tế cũ (IAS) do IASC ban hành trong giai đoạn trước năm 2001 vẫn còn hiệu lực nếu không được thay thế bởi chuẩn mực khác.

Tính đến tháng 4/2016, hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRSs) bao gồm:

- 16 Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS);
- 28 Chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) do IASC ban hành còn hiệu lực đến ngày nay;
- Ngoài ra, còn có 17 bản hướng dẫn của Ủy ban hướng dẫn chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRIC - International Financial Reporting Interpretations Committee) và 8 bản hướng dẫn của Ủy ban hướng dẫn chuẩn mực (SIC – Standing Interpretations Committee);
- Bên cạnh đó, năm 2015 IASB còn ban hành thêm IFRS áp dụng riêng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs – Small and Medium-sized Entities).

Theo số liệu từ Cẩm nang IFRS bỏ túi - ấn bản 2016, tính đến tháng 4/2016, đã có 93% tức 133/143 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới đã chính thức cam kết áp dụng và triển khai IFRS, 83% tức 119/143 quốc gia và vùng lãnh thổ quy định bắt buộc tất cả hoặc hầu hết các công ty đại chúng phải tuân thủ IFRS khi lập báo cáo tài chính.

3.2. Lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam

Thừa nhận những giá trị tích cực mà IFRS mang lại, nhưng theo định hướng chính sách của Bộ Tài chính, việc xem xét áp dụng IFRS vào điều kiện cụ thể của Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế thị trường chuyển đổi đòi hỏi cần có lộ trình phù hợp trước khi tiến tới áp dụng hoàn toàn IFRS.

Báo cáo Việt Nam 2035 được công bố mới đây đưa ra đề xuất các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cần thống nhất với IFRS, nhằm phát triển các thị trường vốn theo chiều sâu và thu hút hơn nữa nhà đầu tư nước ngoài.

Theo đó, việc áp dụng IFRS sẽ giúp Việt Nam đi đúng hướng với tầm nhìn Việt Nam 2035, các chính sách của ASEAN cũng như theo kịp đà phát triển của những nền kinh tế thành công khác trong khu vực và trên thế giới, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi Việt Nam hội nhập kinh tế sâu rộng trên thị trường phẳng toàn cầu với việc tham gia Cộng đồng kinh tế ASEAN… (Tạp chí chứng khoán 213).

Không chỉ cơ quan chủ quản, hầu hết các đại biểu là đại diện các doanh nghiệp, các trường đại học, uỷ ban chứng khoán nhà nước và các cơ quan có liên quan đều có thống nhất cao về hình thức áp dụng IFRS và lộ trình thực hiện như sau:

- Áp dụng IFRS đầy đủ qua việc dịch trực tiếp IFRS và ban hành các thông tư hướng dẫn. Lộ trình áp dụng theo từng đợt, mỗi đợt một số chuẩn mực và có hiệu lực đồng bộ. Phạm vi áp dụng tại các công ty đại chúng trước, sau đó dần dần áp dụng cho toàn bộ các doanh nghiệp;
- Thời điểm áp dụng là từ năm 2020 trở đi. Dự kiến đến 2020, sẽ lựa chọn và tuyên bố áp dụng khoảng 20 IFRS đơn giản trước, trong quá trình đó sẽ tìm kiếm một số đối tượng có trình độ phát triển để áp dụng thí điểm;
- Đến 2023 áp dụng khoảng 30 IFRS;

 Đến 2025 áp dụng toàn bộ IFRS;

 Ngoài ra vẫn ban hành lại và ban hành mới VAS/VFRS cho các đối tượng không áp dụng IFRS.

4. NHỮNG KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC TRONG VIỆC ĐÀO TẠO IFRS TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG

4.1. Về phía các cơ quan chức năng

Thứ nhất, trình độ nhân lực của các cơ quan hữu quan cũng còn hạn chế nên chậm trễ trong việc ban hành các thông tin có liên quan đến IFRS như sửa đổi các VAS, cập nhật VFRS hay công bố lộ trình áp dụng IFRS theo hướng nào cho phù hợp với Việt Nam.

Thứ hai, chưa có sự phối hợp nhịp nhàng, hỗ trợ lẫn nhau giữa các cơ quan ban hành chính sách với các chuyên gia IFRS có kinh nghiệm cũng như với các tổ chức đào tạo chuyên nghiệp như ACCA, CPA để có thể cho ra được các chính sách thích hợp phục vụ cho chiến lược hướng tới việc đào tạo và áp dụng IFRS cho Việt Nam.

Thứ ba, chuyên gia đào tạo về IFRS hiện nay tại Việt Nam còn thiếu rất nhiều về số lượng, yếu về chất lượng và chưa có nhiều kinh nghiệm.

4.2. Về phía các trường đại học và cao đẳng

Thứ nhất, các trường đại học và cao đẳng tại Việt Nam hiện chưa có chương trình đào tạo về IFRS một cách hệ thống. Hầu như các trường đại học và cao đẳng, đặc biệt các trường nhóm giữa và nhóm dưới chưa đưa các nội dung của IFRS vào chương trình đào tạo cho sinh viên dẫn đến tình trạng sinh viên khi ra trường chưa biết gì về IFRS. Chính vì vậy, kinh nghiệm giảng dạy IFRS tại các trường đại học và cao đẳng ở Việt Nam nhìn chung rất hạn chế.

Thứ hai, chương trình đào tạo ngành kế toán của các trường đại học còn lạc hậu, thiên về lý thuyết hàn lâm, hệ thống các môn học chuyên ngành không phù hợp với hệ thống chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Thực tế hiện nay, nhiều cơ sở đào tạo xây dựng chương trình đào tạo của ngành kế toán từ 120-150 tín chỉ, song tỷ trọng các môn học thuộc về chuyên ngành và chuyên ngành sâu chỉ chiếm khoảng 20% chương trình. Trong số 20% số tín chỉ toàn khóa học ở các môn học chuyên ngành sâu nội dung còn nặng về lý thuyết hàn lâm nên sinh viên vẫn chưa thể tiếp cận được với công việc thực tế.

Bên cạnh đó, các giáo trình và tài liệu về IFRS hiện nay chủ yếu chỉ có những tài liệu liên quan bằng tiếng Anh, khả năng tiếp cận cũng khá hạn chế, còn các tài liệu bằng tiếng Việt hầu như không có và cũng không kịp cập nhật với những thay đổi của IASB theo từng quý, từng năm.

Cuối cùng là chưa có các chế độ chính sách phù hợp để khuyến khích đội ngũ giảng viên và sinh viên thực hiện các đề tài, dự án tìm hiểu về IFRS cũng như tham gia biên soạn, biên dịch các giáo trình, tài liệu về IFRS.

4.3. Về phía người dạy

Thứ nhất, IFRS là bộ chuẩn mực được thiết kế dựa trên các nguyên tắc. Do đó, thách thức cơ bản trong giảng dạy và đào tạo IFRS tại Việt Nam là việc người dạy kế toán cần có kiến thức tốt để giảng dạy IFRS bằng việc sử dụng phương pháp dựa trên các nguyên tắc. Đây là phương pháp nhấn mạnh vào việc giảng dạy các khái niệm cơ bản thay vì các quy tắc hạch toán, giúp cho sinh viên có khả năng phát hiện và tự tìm ra các giải pháp, mà không phải thông qua việc học thuộc lòng các quy tắc và bút toán hạch toán kế toán. Tuy nhiên, hiện nay phương pháp này chưa được áp dụng phổ biến trong giảng dạy kế toán tại các trường đại học và cao đẳng tại Việt Nam. Hiện tại, việc giảng dạy kế toán tại Việt Nam hiện nay chủ yếu vẫn dựa trên các quy tắc được hướng dẫn từ các quyết định, thông tư về chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

Thứ hai, để đáp ứng được yêu cầu giảng dạy dựa trên vấn đề cho IFRS, người dạy kế toán cần phải được tiếp cận đến các phương pháp giảng dạy tích cực, sáng tạo như mô phỏng, đóng vai, học dựa trên giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, cơ hội để tiếp cận đến nguồn tài liệu kế toán để tăng cường giảng dạy IFRS là rất hạn chế do hầu hết các thư viện tại các trường đại học Việt Nam hiện nay chưa được chuẩn hóa quốc tế nên hạn chế khả năng tiếp cận của giảng viên.

Thứ ba, để giảng dạy IFRS có hiệu quả thì giảng viên bên cạnh việc trang bị tốt lý thuyết còn cần có thêm kinh nghiệm thực tế vì việc giảng dạy IFRS đòi hỏi gắn liền với thực hành thực tế. Tuy nhiên, hầu hết các giảng viên kế toán hiện nay chưa đầu tư để có thêm các chứng chỉ nghề nghiệp kế toán như ACCA, CPA…

Cuối cùng, rào cản ngôn ngữ cũng là một trở ngại không nhỏ. Trình độ ngoại ngữ trong đội ngũ giảng viên đại học và cao đẳng hiện nay dù đã được cải thiện nhiều so với trước tuy nhiên không phải tất cả các giảng viên đều có thể đọc và hiểu rõ được toàn bộ nội dung trong các giáo trình và tài liệu về IFRS bằng tiếng Anh.

4.4. Về phía người học

Thứ nhất, sinh viên Việt Nam đặc biệt là tại các trường nhóm giữa và nhóm dưới vẫn giữ thái độ học tập rất thụ động, chưa có thói quen tự tìm hiểu và nghiên cứu tài liệu hay thậm chí là đọc tài liệu. Điều này là trở ngại rất lớn cho việc đào tạo IFRS nói riêng và tất cả các môn học khác nói chung.

Thứ hai, trình độ tiếng Anh của sinh viên là một trong những vấn đề đáng lưu tâm trong quá trình thực hiện việc đào tạo IFRS. Với quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo về chuẩn tiếng Anh cũng như những hạn chế trong việc đào tạo tiếng Anh trong các trường đại học như hiện nay thì sẽ rất khó khăn cho sinh viên trong việc đọc và hiểu tài liệu chuyên ngành cũng như tài liệu về IFRS.

5. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC TRONG VIỆC ĐÀO TẠO IFRS TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG

Để công tác đào tạo IFRS tại các trường đại học và cao đẳng ngày càng hoàn thiện, đáp ứng được các yêu cầu, đòi hỏi của xã hội, theo nhóm tác giả, cần phải thực hiện những nhóm giải pháp sau:

5.1. Đối với các cơ quan chức năng

Trước hết, Bộ Tài chính mà cụ thể là Vụ Chế độ kế toán – kiểm toán cần sớm ban hành các văn bản nêu rõ định hướng áp dụng và triển khai IFRS tại Việt Nam sẽ đi theo hướng nào áp dụng nguyên mẫu của IFRS hay bổ sung sửa đổi VAS/VFRS cho phù hợp hơn với IFRS để làm định hướng cho các trường đại học và cao đẳng trong quá trình đào tạo IFRS.

Thứ hai, Bộ Tài chính cần phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo để xây dựng một chiến lược đào tạo kế toán bậc đại học theo chuẩn quốc tế và tạo điều kiện để từng trường tuỳ theo năng lực hiện có thiết kế chương trình đào tạo phù hợp theo hướng tiếp cận chương trình tiên tiến trên thế giới.

Bên cạnh đó, xây dựng và phát triển đội ngũ ban hành chính sách về kế toán, chuyên gia về IFRS, từ đó thành lập một Ủy ban về Chuẩn mực kế toán. Ủy ban này sẽ toàn quyền chịu trách nhiệm trong việc nghiên cứu, triển khai biên dịch, soạn thảo các tài liệu, văn bản hướng dẫn liên quan đến IFRS cũng như biên soạn VAS/VFRS. Ngoài ra, có thể thuê các nhà tư vấn nước ngoài có kinh nghiệm trong lĩnh vực IFRS để hướng dẫn thêm.

5.2. Đối với các trường đại học và cao đẳng

Thứ nhất, các trường cần sớm đưa IFRS vào chương trình đào tạo cho sinh viên ngành kế toán. Khi mới triển khai việc đào tạo IFRS cho sinh viên chắc chắn không tránh khỏi

những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình giảng dạy nên hàng năm, các giảng viên đảm nhận giảng dạy IFRS cần tiến hành những buổi sinh hoạt học thuật, hội thảo trong bộ môn hoặc giữa các trường với nhau để chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy IFRS.

Thứ hai, các trường đại học cần phải gắn kết chặt chẽ với các tổ chức nghề nghiệp trong nước và quốc tế để từng bước đưa vào chương trình đào tạo những nội dung có tính ứng dụng chuyên nghiệp đã được các tổ chức này nghiên cứu, tổng hợp và áp dụng trong quá trình đào tạo các loại chứng chỉ hành nghề được công nhận rộng rãi ở Việt Nam và quốc tế. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo phải đổi mới theo hướng tiếp cận và kế thừa những mặt tích cực của chương trình đào tạo các trường đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới về lĩnh vực kế toán nhằm giúp sinh viên có thể hội nhập và thực hành một cách có hiệu quả trong môi trường làm việc quốc tế.

Thứ ba, các trường cũng nên có chế độ chính sách khuyến khích giảng viên và sinh viên tham gia thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu về IFRS cũng như thực hiện biên soạn, biên dịch IFRS để các giáo trình, tài liệu về IFRS bằng tiếng Việt sẽ ngày càng hoàn thiện hơn về chất lượng và nhiều về số lượng đáp ứng được cho quá trình đào tạo về IFRS. Ngoài ra, các trường cũng nên hỗ trợ giảng viên một cách tối đa trong việc tiếp cận với các nguồn tài liệu cần thiết cho quá trình đào tạo IFRS, chuẩn hóa thư viện trong các trường đại học.

5.3. Đối với người dạy

Thứ nhất, giảng viên cần nhanh chóng tham gia các lớp tập huấn chuyển đổi sang từ phương pháp giảng dạy kế toán dựa trên quy tắc như hiện nay sang phương pháp giảng dạy kế toán dựa trên nguyên tắc để phù hợp hơn với giảng dạy IFRS. Bên cạnh đó, giảng viên cũng cần tích cực tiến hành đổi mới sang phương pháp giảng dạy tích cực để nhanh chóng đáp ứng được yêu cầu giảng dạy IFRS trong thời gian sắp tới.

Thứ hai, giảng viên cần không ngừng nỗ lực trau dồi kiến thức chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để có thể có đủ trình độ đọc hiểu được các nội dung trong các giáo trình, tài liệu về IFRS của IASB bằng tiếng Anh. Từ đó, tham gia vào việc biên soạn, biên dịch các giáo trình, tài liệu này sang tiếng Việt để đáp ứng cho việc đào tạo. Đồng thời, phải thường xuyên cập nhật những bổ sung, sửa đổi cũng như các IFRS mới được ban hành để việc giảng dạy IFRS không bị lỗi thời và lạc hậu.

Cuối cùng, các giảng viên giảng dạy kế toán cũng cần đầu tư thêm các chứng chỉ nghề nghiệp kế toán uy tín trên thế giới như CPA, ACCA…để có thể tích lũy thêm những kinh nghiệm nghề nghiệp cần thiết.

5.4. Đối với người học

Thứ nhất, sinh viên cần được nhanh chóng làm quen với mô hình đào tạo kế toán hiện đại phù hợp với IFRS, trong đó sinh viên sẽ đóng vai trò là trung tâm trong quá trình dạy học. Vì vậy, bản thân mỗi sinh viên cần nỗ lực, tích cực và chủ động hơn nữa trong quá trình học tập của mình.

Thứ hai, chuẩn hóa đào tạo tiếng Anh cho học sinh từ cấp phổ thông đến đại học hướng tới tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai sử dụng trong đào tạo và học tập như các nước Ấn Độ, Singapore, Malaysia…

6. KẾT LUẬN

Cùng với quá trình hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng cũng như xu thế tự do hóa thương mại và dịch chuyển lao động trong khu vực đã và đang trở thành hiện thực thì những cơ hội và thách thức mới cũng đang đặt ra gay gắt hơn bao giờ hết cho các kế toán viên tại Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập kế toán quốc tế, con đường tiến tới IFRS của các doanh nghiệp Việt Nam là con đường tất yếu và trong tiến trình vận động đó, các trường đại học và

cao đẳng tại Việt Nam cần nhanh chóng chủ động xây dựng và phát triển chương trình đào tạo kế toán đáp ứng chuẩn quốc tế, sớm tiệm cận với IFRS. Việc nhìn nhận những khó khăn và thách thức đặt ra trong quá trình đào tạo kế toán theo hướng chuẩn hóa quốc tế tại Việt Nam sẽ giúp cho các cơ quan hữu quan cùng bàn bạc và tìm ra những giải pháp hữu hiệu để sớm đưa IFRS vào đào tạo và áp dụng tại Việt Nam. Đây không chỉ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của các trường đại học và cao đẳng kế toán ở nước ta mà bản thân các cơ quan ban ngành quản lý như Bộ Tài chính, hiệp hội nghề nghiệp cũng như giảng viên và sinh viên ngành kế toán cũng cần xác định rõ vai trò trách nhiệm của mình và sớm có sự chuẩn bị tốt nhất trong xu thế tất yếu đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo mới. (24/07/2016). Hướng tới chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS.

Khai thác từ http://www.baomoi.com/huong-toi-chuan-muc-bao-cao-tai-chinh-quoc-te-ifrs/c/19921739.epi.

2. Bộ kế hoạch và đầu tư – Nhóm ngân hàng thế giới (2016), *Báo cáo Việt Nam 2035*, Báo cáo Hội thảo "Áp dụng IFRS tại Việt Nam" ngày 21/12/2016 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Công Thương. (25/12/2015). Hướng tới Cộng đồng Asean: 8 lĩnh vực ngành nghề được tự do di chuyển.

Khai thác từ http://baocongthuong.com.vn/huong-toi-cong-dong-asean-8-linh-vuc-nganh-nghe-duoc-tu-do-di-chuyen.html.

4. FtmsGlobal. (10/01/2017). Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế– Định hướng và lộ trình áp dụng ở Việt Nam – Cán bộ ngành kế toán cần chuẩn bị gì để không tụt hậu?.

Khai thác từ http://www.ftmsglobal.edu.vn/ifrs-dinh-huong-va-lo-trinh-ap-dung-o-viet-nam/

5. FtmsGlobal. (28/12/2015). Kế toán một trong những lĩnh vực được tự do di chuyển với Asean.

Khai thác từ http://www.ftmsglobal.edu.vn/ke-toan-mot-trong-nhung-linh-vuc-duoc-tu-do-di-chuyen-voi-asean/.

6. Hoàng Thụy Diệu Linh. (2015). Giới thiệu chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế số 15

Khai thác từhttp://ktkt.vanlanguni.edu.vn/chi-tiet-chuyen-san/gioi-thieu-chuan-muc-bao-cao-tai-chinh-quoc-te-so-15-ifrs15-1407.html>.

7. Nguyễn Thị Kim Chung. (2016). Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế và kinh nghiệm cho Việt Nam. Tạp chí Tài chính, tr 59-60.

8. Paul Pacter. (2016). Pocket Guide to IFRS Standards: the global financial reporting language.

Khai thác từ http://www.ifrs.org/Use-around-the-world/Documents/2016-pocket-guide.pdf>

9. Phan Thanh Hải và Nguyễn Phi Sơn. (2016). Đào tạo nhân lực cho ngành kiểm toán độc lập của Việt Nam trong các trường đại học – Cơ hội và thách thức khi gia nhập TPP, AEC. Kỷ yếu Hội thảo 20 năm thành lập Hội Kế toán Kiểm toán Việt Nam.

10. Trần Mạnh Dũng và Nguyễn Thúy Hồng. (2016). Giảng IFRS trong đào tạo kế toán. Tạp chí Kế toán & Kiểm toán.

11. Vụ chế độ kế toán và kiểm toán - Bộ tài chính. (2016). Định hướng phát triển chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại Việt Nam. Báo cáo Hội thảo "Áp dụng IFRS tại Việt Nam" ngày 21/12/2016 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Vũ Mai Phương. (2017). Đào tạo kế toán, kiểm toán trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Tạp chí Tài chính kỳ 2.

Ngày nhận bài: 6/5/2017. Ngày biên tập xong: 23/5/2017. Duyệt đăng: 25/5/2017